

Giải bài tập trang 17 SGK Toán lớp 6 tập 1: Phép cộng và phép nhân (tiếp theo)

Bài 1 (Trang 17 SGK Đại số lớp 6 tập 1)

Điền vào chỗ trống trong bảng thanh toán sau:

STT	Loại hàng	Số lượng (quyển)	Giá đơn vị (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
1	Vở loại 1	35	2000	
2	Vở loại 2	42	1500	
3	Vở loại 3	38	1200	
Cộng				

Đáp án và giải bài 1:

STT	Loại hàng	Số lượng (quyển)	Giá đơn vị (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
1	Vở loại 1	35	2000	70.000
2	Vở loại 2	42	1500	63.000
3	Vở loại 3	38	1200	45.600
Cộng				178.600

Bài 2 (Trang 17 SGK Đại số lớp 6 tập 1)

Tìm số tự nhiên x , biết:

a) $(x - 34) \cdot 15 = 0$

b) $18 \cdot (x - 16) = 18$.

Giải bài:

a) Chú ý rằng nếu tích bằng 0 thì ít nhất một thừa số bằng 0.

Vì $(x - 34) \cdot 15 = 0$ và $15 \neq 0$ nên $x - 34 = 0$. Do đó $x = 34$.

b)

$$x-16=18:18$$

$$x-16=1$$

$$x=16+1$$

$$x=17$$

Giải thích: Nếu biết tích của hai thừa số thì mỗi thừa số bằng tích chia cho thừa số kia.
Do đó từ $18(x-16)=18$ suy ra $x-16=18:18=1$.

$$\text{Vậy } x=1+16=17$$

Bài 3 (Trang 17 SGK Đại số lớp 6 tập 1)

Tính nhanh

a) $135+360+65+40$;

b) $463+318+137+22$;

c) $20+21+22+\dots+29+30$.

Đáp án và hướng dẫn giải:

a) $135+360+65+40=(135+65)+(360+40)=200+400=600$.

b) $463+318+137+22=(463+137)+(318+22)=600+340=940$.

c) Nhận thấy $20+30=50=21+29=22+28=23+27=24+26$.

$$\text{Do đó } 20+21+22+\dots+29+30$$

$$=(20+30)+(21+29)+(22+28)+(23+27)+(24+26)+25$$

$$=5 \cdot 50+25=275.$$

Lưu ý. Cũng có thể áp dụng cách cộng của Gau-xơ trình bày ở trang 19, SGK.

Bài 4 (Trang 17 SGK Đại số lớp 6 tập 1)

Có thể tính nhanh tổng $97+19$ bằng cách áp dụng tính chất kết hợp của phép cộng:

$$97+19=97+(3+16)=(97+3)+16=100+16=116.$$

Hãy tính nhanh các tổng sau bằng cách làm tương tự như trên:

a) $996+45$;

b) $37+198$.

Đáp án và hướng dẫn giải:

a) $996 + 45 = 996 + (4 + 41) = (996 + 4) + 41 = 1041$;

b) $37 + 198 = (35 + 2) + 198 = 35 + (2 + 198) = 235$.

Bài 5 (Trang 17 SGK Đại số lớp 6 tập 1)

Cho dãy số sau: 1, 1, 2, 3, 5, 8

Trong dãy số trên, mỗi số (kể từ số thứ ba) bằng tổng của hai số liền trước. Hãy viết tiếp bốn số nữa của dãy số.

Bài giải:

Số thứ bảy là: $5 + 8 = 13$; Số thứ tám là: $8 + 13 = 21$.

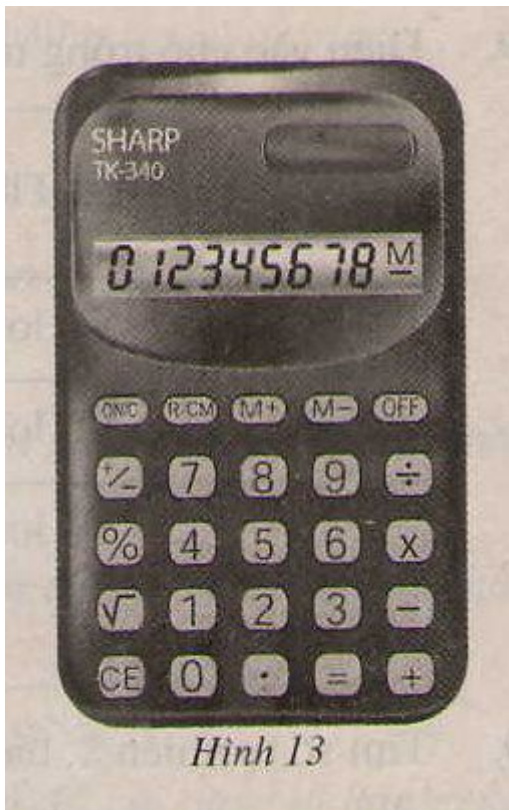
Số thứ chín là: $13 + 21 = 34$; Số thứ mười là: $21 + 34 = 55$.

Bài 6 (Trang 17 SGK Đại số lớp 6 tập 1)

Sử dụng máy tính bỏ túi

Các bài tập về máy tính bỏ túi trong cuốn sách này được trình bày theo cách sử dụng máy tính bỏ túi SHARP tk-340; nhiều loại máy tính bỏ túi khác cũng sử dụng tương tự.

a) Giới thiệu một số nút (phím) trong máy tính bỏ túi (h.13);



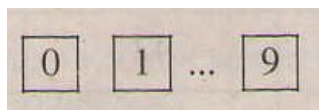
– Nút mở máy:



– Nút tắt máy:



– Các nút số từ 0 đến 9:



– Nút dấu cộng: cộng – Nút dấu “=” cho phép hiện ra kết quả trên màn hiển số:

– Nút xóa (xóa số vừa đưa vào bị nhầm):

b) Cộng hai hay nhiều số:

Phép tính	Nút ấn	Kết quả
$13 + 28$	     	41
$214 + 37 + 9$	        	260

c) Dùng máy tính bỏ túi tính các tổng:

$$1364 + 4578;$$

$$6453 + 1469;$$

$$5421 + 1469;$$

$$3124 + 1469;$$

$$1534 + 217 + 217 + 217.$$

Bài giải:

Học sinh tự giải